| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƠN THÀNH**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 102/2018/QĐST-HNGĐ | *Chơn Thành, ngày 27 tháng 6 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2018 về việc "*Ly hôn*", giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Th, sinh năm: 1956, địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp 04, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước;

*Bị đơn:*Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1957, địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày18 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:Bà Võ Thị Th và ông Nguyễn Minh T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung.

2.2.Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3.Nợ chung: Thống nhất hiện nay không còn nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Bà Võ Thị Th tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩmđược trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0009422 ngày 30/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành trả cho bà Võ Thị Th số tiền còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

**3.**Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh BP;
- Chi cục THADS Chơn Thành;
- VKS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Ng, huyện Ngh, Tỉnh Nghệ an;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Chu Thị Thu Hà**

***<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>***

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).